**Bảng 6. Điều tra thức ăn nguyên nhân trong bữa ăn nguyên nhân (mẫu điều tra 6)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Thực đơn | Số người đã ăn | Số người không ăn | Chênh lệch các tỷ lệ |
| Bị NĐ | Không bị NĐ | Tổng số | TLTC | Bị NĐ | Không bị NĐ | Tổng số | TLTC |
| 1 | A |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | B |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | C |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | D |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | ..... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ngày tháng năm***Người điều tra**

Phương pháp: Từ số liệu ở bảng 4 và các bảng liên quan điền vào các ô tương ứng ở bảng 6 và tính TLTC cho từng loại thức ăn. Cuối cùng tính số chênh lệch tỷ lệ giữa TLTC ở những người ăn và không ăn cho từng loại thức ăn. Thức ăn nguyên nhân là thức ăn có TLTC cao nhất trong số những người đã ăn và rất thấp trong số những người không ăn.

+ Ví dụ: kết quả điều tra thức ăn nguyên nhân được thể hiện ở bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Thực đơn | Số người đã ăn | Số người không ăn | Chênh lệch các tỷ lệ |
| Bị NĐ | Không bị NĐ | + | TLTC | Bị NĐ | Không bị NĐ | + | TLTC |
| 1 | Rau muống xào | 100 | 0 | 100 | 100,0 | 0 | 80 | 80 | 0 | +100,0 |
| 2 | Cá kho | 100 | 80 | 180 | 55,5 | 0 | 0 | 0 | 0 | +55,5 |
| 3 | Trứng rán | 50 | 50 | 100 | 50,0 | 50 | 30 | 80 | 62,5 | -12,5 |
| 4 | Canh cua rau đay | 50 | 50 | 100 | 50,0 | 50 | 30 | 80 | 62,5 | -12,5 |
| 5 | Cà muối chua | 50 | 50 | 100 | 50,0 | 50 | 30 | 80 | 62,5 | -12,5 |

Qua kết quả ở bảng trên cho thấy: TLTC trong số những người đã ăn đối với rau muống xào là cao nhất (100%) và thấp nhất trong số những người không ăn (0%). Sự chênh lệch TLTC giữa những người ăn và không ăn là + 100,0. Vậy thức ăn nguyên nhân là: Rau muống xào.

Tuy nhiên trong kết quả điều tra NĐTP không phải lúc nào cũng cho kết quả rõ rệt, có khi hai thức ăn có TLTC giống nhau (khác nhau không có ý nghĩa). Trong trường hợp này, sau khi tính các TLTC giữa những người ăn và không ăn, tính tỷ lệ chênh lệch lớn, cần thiết phải lập bảng phân tích chéo 2 x 2 để tìm ra thức ăn nào là thức ăn nguyên nhân.

Ví dụ: Kết quả điều tra dịch tễ học NĐTP trong một vụ NĐTP tại công ty Z ở khu Công nghiệp Y ngày 20/2/2006 cho kết quả như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Thực đơn | Số người đã ăn thức ăn đó | Số người không ăn thức ăn đó | Tổng cộng  | Chênh lệch các tỷ lệ |
| Bị NĐ  | Không bị NĐ | + | TLTC | Bị NĐ | Không bị NĐ | + | TLTC |
| 1 | Rau muống xào | 97 | 36 | 133 | 72,9 | 2 | 23 | 25 | 8,0 | 158 | + 64,9 |
| 2 | Thịt gà luộc | 88 | 33 | 121 | 72,7 | 11 | 26 | 37 | 29,7 | 158 | + 43,0 |
| 3 | Xúp ngô | 92 | 35 | 127 | 72,4 | 7 | 24 | 31 | 22,5 | 158 | + 49,9 |
| 4 | Canh khoai tây hầm xương | 77 | 28 | 105 | 73,3 | 22 | 31 | 53 | 41,5 | 158 | + 31,8 |
| 5 | Cá rán | 50 | 16 | 66 | 75,7 | 49 | 43 | 92 | 53,3 | 158 | + 22,4 |
| 6 | Bánh mì | 50 | 16 | 66 | 75,7 | 49 | 43 | 92 | 53,3 | 158 | + 22,4 |
| 7 | Bơ | 1 | 3 | 4 | 25,0 | 98 | 56 | 154 | 63,6 | 158 | - 38,6 |
| 8 | Nộm xà lách | 1 | 10 | 11 | 9,1 | 98 | 49 | 147 | 66,6 | 158 | - 57,5 |
| 9 | Dưa hấu | 22 | 14 | 36 | 61,1 | 77 | 45 | 122 | 63,1 | 158 | - 2,0 |
| 10 | Cà phê | 59 | 39 | 98 | 60,2 | 40 | 20 | 60 | 66,6 | 158 | - 6,4 |
| 11 | Sữa | 12 | 6 | 18 | 66,6 | 87 | 53 | 140 | 62,1 | 158 | + 4,5 |

Qua bảng trên cho thấy: có hai thức ăn (số 1 và số 3) có tỷ lệ chênh lệch lớn. Để xác định chắc chắn, thức ăn nào là thức ăn nguyên nhân, cần lập thêm bảng phân tích chéo 2 x 2 sau đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Có ăn thức ăn số 1 | Không ăn thức ăn số 1 |
| Bị NĐ | Không bị NĐ | + | TLTC | Bị NĐ | Không bị NĐ | + | TLTC |
| Có ăn thức ăn số 3 | 92 | 35 | 127 | 72,4 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Không ăn thức ăn số 3 | 5 | 1 | 6 | 83,3 | 2 | 23 | 25 | 8,0 |

Kết quả bảng này cho thấy: thức ăn số 1 (rau muống xào) là thức ăn nguyên nhân.

+ Để xác định thức ăn là thức ăn nguyên nhân khi có 2 thức ăn có TLTC đều cao, có thể vận dụng phương pháp nghiên cứu bệnh chứng để xác định thức ăn nào là thức ăn nguyên nhân theo các bước sau đây:

Trước tiên, lập bảng 2 x 2:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Bị ngộ độc | Không bị ngộ độc |
| Có ăn thức ăn đó | a | b |
| Không ăn thức ăn đó | c | d |

2) ước lượng nguy cơ tương đối bằng cách tính tỷ xuất chênh OR (Odd Ratios):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| OR | = | ad |
| bc |

Cần tính OR cho từng loại thức ăn.

3) So sánh thức ăn nào có OR cao nhất đó là thức ăn nguyên nhân.

 Trong ví dụ cụ thể trên, ta tính OR1 cho thức ăn số 1 và OR3 cho thức ăn số 3:





Vậy thức ăn nguyên nhân là thức ăn số 1.

7. Điều tra nguồn gốc, tình hình chế biến thực phẩm: